

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **145**/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày **23** tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v Hủy quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Khu đô thị thiên đường Mắc Ca tỉnh Lai Châu

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 847/QĐ-UBND ngày 13/6/2024 của UBND tỉnh Lai Châu về việc bãi bỏ các quyết định phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị thiên đường Mắc Ca tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Công văn số 2462/UBND-KTN ngày 28/6/2024 của UBND tỉnh Lai Châu V/v chấm dứt hoạt động dự án Khu đô thị thiên đường Mắc Ca tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Thông báo số 1242/TB-SKHĐT ngày 28/6/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư V/v chấm dứt hoạt động dự án Khu đô thị thiên đường Mắc Ca tỉnh Lai Châu;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 11/TTr-TNMT ngày 09/01/2025 và Công văn số 04/TTPTQĐ ngày 08/01/2025 của Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Lai Châu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy các quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối các hộ gia đình, cá nhân đã ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ nhưng chưa nhận bồi thường, hỗ trợ dự án Khu đô thị thiên đường Mắc Ca tỉnh Lai Châu.

(Có danh sách chi tiết kèm theo)

* Lý do hủy: Dự án Khu đô thị thiên đường Mắc Ca tỉnh Lai Châu đã chấm dứt hoạt động theo các văn bản của UBND tỉnh tại Quyết định số 847/QĐ-UBND ngày 13/6/2024, Công văn số 2462/UBND-KTN ngày 28/6/2024 và Thông báo số 1242/TB-SKHĐT ngày 28/6/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 2. Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, tổ chức thực hiện việc hủy các quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, cụ thể như sau:

1. Chủ tịch UBND phường Tân Phong có trách nhiệm phối hợp cùng Trung tâm Phát triển quỹ đất niêm yết Quyết định này tại trụ sở UBND phường và tại nơi sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư nơi có đất hủy quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ.

2. Văn phòng HĐND-UBND thành phố có trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên trang thông tin điện tử của thành phố.

3. Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố có trách nhiệm, chủ trì phối hợp với UBND phường Tân Phong niêm yết Quyết định này tại trụ sở UBND phường, tại nơi sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư nơi có đất thu hồi.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày được phê duyệt.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất; Chủ tịch UBND phường Tân Phong; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch UBND thành phố (B/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Xiêng

Biểu

PHƯƠNG ÁN HỦY PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dự án: Khu đô thị thiên đường Mắc Ca tỉnh Lai Châu

(Kèm theo Quyết định số: ~~145~~ /QĐ-UBND ngày ~~23~~ tháng 01 năm 2025 của UBND thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu)

TT	Tên các hạng mục hủy	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền	
1	2	3	4	5	6=4*5	
A	Tổng cộng				2,596,487,460	
1	Chi trả cho chủ sở hữu				2,596,487,460	
a	Về Đất				228,679,800	
b	Về Tài sản vật kiến trúc				152,836,544	
c	Về Cây cối hoa màu				1,591,353,216	
d	Về Chính sách hỗ trợ				623,617,900	
B	Chi tiết cho các hộ dân				2,596,487,460	
1	Bùi Thị Hiền (Đã được phê duyệt tại QĐ số 1708/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND thành phố Lai Châu)					
	Địa chỉ: Tổ 10, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)					584,303,180
a	Về đất				-	
1	Diện tích thu hồi	m ²	31,919.2			
2	Loại đất					
	Đất rừng phòng hộ (không được bồi thường) theo quy định tại điều 82, Luật đất đai năm 2013	m ²	31,919.2	3,500		
	Vị trí (VT1)					
	Nguồn gốc: Được UBND huyện Tam Đường cấp GCNQSD đất số W023609 ngày 20/11/2002. Hiện tại bà Bùi Thị Hiền sử dụng ổn định không có tranh chấp đất đai với ai. GCN cấp theo Nghị định 163/1999/NĐ-CP ngày 16/11/1999 của Chính phủ có vị trí không đúng so với hiện trạng sử dụng đất					
b	Về Tài sản vật kiến trúc				8,684,500	
	<i>Tài sản tạo lập phục vụ sản xuất nông nghiệp, đúng mục đích tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng (hỗ trợ bằng 100% đơn giá bồi thường theo điểm c, khoản 7 điều 21 QĐ 16/QĐ-UBND ngày 04/5/2020)</i>					
1	Ống nước HDPE Ø 20 PE 80). PN 12.5 dày 2mm	m	500.0	7,855	3,927,500	
2	Kè đá xếp khan (50*0,4*1,5)	m ³	30.0	141,900	4,257,000	
3	Hàng rào thép gai	m	100.0	5,000	500,000	
c	Về Cây cối hoa màu				486,244,920	
1	Cây nhãn bán kính phát tán >4m	cây	76.0	900,000	68,400,000	
2	Cây đào bán kính phát tán từ 2-4m	cây	28.0	480,000	13,440,000	
3	Cây trám bán kính phát tán > 4m	cây	20.0	480,000	9,600,000	
4	Cây hồng bán kính phát tán >4m	cây	51.0	840,000	42,840,000	
5	Cây mận bán kính phát tán >4m	cây	5.0	600,000	3,000,000	
6	Cây vải bán kính phát tán từ 2-4m	cây	26.0	624,000	16,224,000	
7	Cây vải bán kính phát tán >4m	cây	34.0	900,000	30,600,000	
8	Cây xoài bán kính phát tán từ 2-4m	cây	4.0	540,000	2,160,000	
9	Cây bưởi bán kính phát tán từ 2-4m	cây	6.0	480,000	2,880,000	

10	Cây nhãn bán kính phát tán từ 2-4m	cây	96.0	624,000	59,904,000
11	Cây bưởi trồng hạt năm thứ 4	cây	4.0	192,000	768,000
12	Cây bưởi bán kính phát tán >4m	cây	4.0	600,000	2,400,000
13	Cây mít bán kính phát tán từ 2-4m	cây	7.0	360,000	2,520,000
14	Cây bơ bán kính phát tán từ 2-4m	cây	13.0	540,000	7,020,000
15	Cây nhót đã cho thu hoạch	m ²	100.0	12,000	1,200,000
16	Cây lấy gỗ đường kính từ 5-10cm	cây	796.0	30,000	23,880,000
17	Cây lấy gỗ đường kính từ 10-25cm	cây	974.0	42,000	40,908,000
18	Cây lấy gỗ d=40, h=6: 174 cây	m ³	131.1	480,000	62,940,672
19	Cây lấy gỗ d=50, h=7: 95 cây	m ³	130.5	480,000	62,643,000
20	Cây lấy gỗ d=60, h=7: 30 cây	m ³	59.3	480,000	28,486,080
21	Cây lấy gỗ d=70, h=8m: 3 cây	m ³	9.2	480,000	4,431,168
d	Về Chính sách hỗ trợ				89,373,760
1	Hỗ trợ khác theo khoản 4 điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 80% giá Đất rừng phòng hộ).	m ²	31,919.2	2,800	89,373,760
2	Mai Thế Đông (Đã được phê duyệt tại QĐ số 1708/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND thành phố Lai Châu)				
	Địa chỉ: Tổ 12, phường Đoàn Kết, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				643,748,655
a	Về đất				143,739,000
1	Diện tích thu hồi	m ²	4,791.3		
2	Loại đất				
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	m ²	4,791.3	30,000	143,739,000
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc: Nhận chuyển nhượng 1 phần diện tích đất của ông Vũ Đình Thân ngày 20/3/2004. Đất của ông Thân khai phá từ năm 1989. Hiện tại gia đình ông Đông sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp với ai.				
b	Về Tài sản vật kiến trúc				40,706,655
	Tài sản tạo lập phục vụ sản xuất nông nghiệp, đúng mục đích tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng (hỗ trợ bằng 100% đơn giá bồi thường theo điểm c, khoản 7 điều 21 QĐ 16/QĐ-UBND ngày 04/5/2020)				
	Phần tài sản bóc tách từ khu vực chuồng trâu				
1	Bê tông không cốt thép (17*0,6*0,15)	m ³	1.5	852,500	1,304,325
2	Nền bê tông đá dăm dày 10cm (7,1*8)	m ²	56.8	83,600	4,748,480
3	Phần chuồng chính tình bằng Bán mái khung sắt lợp tôn (7,1*7,5)	m ²	53.3	334,400	17,806,800
4	Khung sắt lưới B40 (18*1,3)	m ²	23.4	123,200	2,882,880
5	Bê tông không cốt thép (17*0,15*0,4)	m ³	1.0	852,500	869,550
6	Bóc tách từ chuồng gà khung sắt lợp tôn				

6.1	Khung sắt lưới B40 (2,8*2)*6	m ²	33.6	123,200	4,139,520
6.2	Mái lợp tôn (2,8*2)	m ²	5.6	115,500	646,800
7	Hàng rào lưới B40 thép fi 3,4 (1*55)+(1*28)	m ²	83.0	100,100	8,308,300
	Phần tài sản nằm trên đất đã thu hồi không được bồi thường				
1	Mái bro xi măng để cả khung xà (6,6*2,8)	m ²	18.5		
2	Tôn quay (3,4*2)	m ²	6.8		
3	Tôn quay (2,8*2,2)	m ²	6.2		
4	Mái tôn (3,7*1,7)	m ²	6.3		
5	Máy xén cỏ	cái	1.0		
c	Về Cây cối hoa màu trên đất				18,006,000
1	Cây chuối chưa có buồng cao >1,2m	cây	20.0	24,000	480,000
2	Cây lấy gỗ đường kính từ 10-25cm	cây	3.0	42,000	126,000
3	Cỏ voi	m ²	1,025.0	4,800	4,920,000
4	Cỏ voi	m ²	2,600.0	4,800	12,480,000
d	Về Chính sách hỗ trợ				441,297,000
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3 lần giá đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác).	m ²	4,791.3	90,000	431,217,000
2	Hỗ trợ ổn định đời sống tại điều 15 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (thu từ 30 đến 70% diện tích đất nông nghiệp, hộ không phải di chuyển chỗ ở 04 khẩu * 30kg gạo* 6 tháng).	Kg	720.0	14,000	10,080,000
3	Vũ Đình Thân tranh chấp cùng Hà Văn Khanh(Đã được phê duyệt tại QĐ số 1708/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND thành phố Lai Châu)				
	Địa chỉ: Tổ 10, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				13,958,000
a	Về đất				12,754,000
1	Diện tích thu hồi	m ²	364.4		
2	Loại đất				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	m ²	364.4	35,000	12,754,000
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc:				
b	Về Tài sản vật kiến trúc				100,000
	<i>Tài sản tạo lập phục vụ sản xuất nông nghiệp, đúng mục đích sử dụng đất, tài sản tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng (hỗ trợ bằng 100% đơn giá bồi thường theo điểm c, khoản 7 điều 21 QĐ 16/QĐ-UBND ngày 04/5/2020)</i>				
1	Bạt dứa (4*5)	m ²	20.0	5,000	100,000

c	Về Cây cối hoa màu				1,104,000
1	Cây ôi bán kính phát tán từ 1-2m	cây	1.0	360,000	360,000
2	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ 2	cây	10.0	66,000	660,000
3	Cây lấy gỗ đường kính từ 10-25cm	cây	2.0	42,000	84,000
d	Về Chính sách hỗ trợ				-
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3 lần giá đất bằng trồng cây hàng năm).	m ²	364.4	105,000	
4	Vàng A Nhè (Đã được phê duyệt tại QĐ số 1708/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND thành phố Lai Châu)				
	Địa chỉ: Tô 19, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				
					55,070,060
a	Về đất				7,242,500
1	Diện tích thu hồi	m ²	239.3		
2	Loại đất				
2.1	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	m ²	12.7	35,000	444,500
2.2	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	m ²	226.6	30,000	6,798,000
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc: Nhận chuyển nhượng 1 phần diện tích đất của ông Sùng A Lữ và bà Vừ Thị Khuê ngày 20/3/2007. Đất của ông Lữ nhận chuyển nhượng của ông Sùng Páo Ly ngày 12/01/2005. Đất của gia đình ông Ly khai phá từ năm 1987. Hiện tại gia đình ông Nhè sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp với ai.				
b	Về Tài sản vật kiến trúc				13,411,260
	Tài sản tạo lập phục vụ sản xuất nông nghiệp, đúng mục đích tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng (hỗ trợ bằng 100% đơn giá bồi thường theo điểm c, khoản 7 điều 21 QĐ 16/QĐ-UBND ngày 04/5/2020)				
1	Hàng rào lưới B40 thép phi 3,4 (51*1,5)	m ²	76.5	100,100	7,657,650
2	Thép V3 dày 2,5 ly	m	16.0	83,700	1,339,200
3	Chuồng có ván sàn, khung gỗ mái lợp bro (4,2*3,9)	m ²	16.4	269,500	4,414,410
c	Về Cây cối hoa màu				2,608,800
1	Cây bơ trồng hạt năm thứ 3	cây	2.0	132,000	264,000
2	Cây đu đủ chưa cho thu hoạch	cây	2.0	43,200	86,400
3	Cây dâu tằm	m ²	2.0	7,200	14,400
4	Cây đào bán kính phát tán từ 2-4m	cây	1.0	480,000	480,000
5	Cây xoan đường kính từ 10-25cm	cây	1.0	42,000	42,000
6	Cây lấy gỗ trồng từ 2 - 5 năm	cây	3.0	24,000	72,000
7	Cây bưởi bán kính phát tán từ 1-2m	cây	3.0	360,000	1,080,000
8	Cây ôi trồng hạt năm thứ 3	cây	1.0	132,000	132,000
9	Cây lấy gỗ đường kính từ 5-10cm	cây	1.0	30,000	30,000
10	Cây gỗ lát đường kính từ 5-10cm	cây	2.0	204,000	408,000
d	Về Chính sách hỗ trợ				31,807,500
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3 lần giá đất bằng trồng cây hàng năm khác).	m ²	12.7	105,000	1,333,500



2	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3 lần giá đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác).	m ²	226.6	90,000	20,394,000
3	Hỗ trợ ổn định đời sống tại điều 15 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (thu từ 30 đến 70% diện tích đất nông nghiệp, hộ không phải di chuyển chỗ ở 04 khẩu * 30kg gạo* 6 tháng).	Kg	720.0	14,000	10,080,000
5	Trần Văn Tình (Đã được phê duyệt tại QĐ số 1708/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND thành phố Lai Châu)				
	Địa chỉ: Tổ 10, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a)				785,500
b	Về Tài sản vật kiến trúc				785,500
	<i>Tài sản tạo lập phục vụ sản xuất nông nghiệp, đúng mục đích tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng (hỗ trợ bằng 100% đơn giá bồi thường theo điểm c, khoản 7 điều 21 QĐ 16/QĐ-UBND ngày 04/5/2020)(Tài sản nằm trên đất của bà Liêng Thị Chén)</i>				
1	Ống HDPE Φ 20 (PE 80). PN 12.5 dày 2mm	m	100.0	7,855	785,500
6	Bùi Thị Thanh Thủy (Đã được phê duyệt tại QĐ số 1708/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND thành phố Lai Châu)				
	Địa chỉ: Tổ 10, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)				29,826,000
a	Về đất				2,925,000
1	Diện tích thu hồi	m ²	97.5		
2	Loại đất				
	Đất nương rẫy	m ²	97.5	30,000	2,925,000
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc: Nhận chuyển nhượng 1 phần diện tích của bà Hoàng Thị Tuyến ngày 20/8/2003. Đất bà Tuyến khai phá từ năm 1994. Hiện tại gia đình bà Thủy sử dụng ổn định không có tranh chấp với ai.				
c	Về Cây cối hoa màu				3,006,000
1	Cây ổi trồng bằng hạt năm thứ 4	cây	10.0	192,000	1,920,000
2	Cây xoan trồng từ 2-5 năm	cây	5.0	24,000	120,000
3	Cây xoan đường kính từ 5-10cm	cây	5.0	30,000	150,000
4	Cây chanh trồng hạt năm thứ 3	cây	3.0	132,000	396,000
5	Cây hoa hòe đường kính gốc từ 5-10cm	cây	5.0	84,000	420,000
d	Chính sách hỗ trợ				23,895,000
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3 lần giá đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác).	m ²	97.5	90,000	8,775,000



2	Hỗ trợ ổn định đời sống tại điều 15 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (thu trên 70% diện tích đất nông nghiệp, hộ không phải di chuyển chỗ ở 03 khâu * 30kg gạo* 12 tháng).	Kg	1,080.0	14,000	15,120,000
7	Nguyễn Cảnh Phương (Đã được phê duyệt tại QĐ số 1708/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND thành phố Lai Châu)				
	Địa chỉ: Tô 26, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)				38,336,000
a	Về đất				7,278,000
1	Diện tích thu hồi	m ²	242.6		
2	Loại đất				
	Đất nương rẫy	m ²	242.6	30,000	7,278,000
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc: Nhận chuyển nhượng 1 phần diện tích đất của bà Hoàng Thị Tuyền ngày 20/8/2003. Đất của bà Tuyền khai phá từ năm 1994. Hiện gia đình ông Phương sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai.				
b	Về Tài sản vật kiến trúc				80,000
	<i>Tài sản tạo lập phục vụ sản xuất nông nghiệp, đúng mục đích tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng (hỗ trợ bằng 100% đơn giá bồi thường theo điểm c, khoản 7 điều 21 QĐ 16/QĐ-UBND ngày 04/5/2020)</i>				
1	Hàng rào cọc tre	m	5.0	6,000	30,000
2	Dây thép gai	m	10.0	5,000	50,000
c	Về Cây cối hoa màu				4,104,000
1	Cây ổi trồng bằng hạt năm thứ 4	cây	10.0	192,000	1,920,000
2	Cây ổi trồng hạt năm thứ 3	cây	10.0	132,000	1,320,000
3	Cây chanh trồng hạt năm thứ 3	cây	4.0	132,000	528,000
4	Cây hoa hòe đường kính gốc từ 5-10cm	cây	4.0	84,000	336,000
c	Về Chính sách hỗ trợ				26,874,000
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3 lần giá đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác).	m ²	242.6	90,000	21,834,000
2	Hỗ trợ ổn định đời sống tại điều 15 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (thu trên 70% diện tích đất nông nghiệp, hộ không phải di chuyển chỗ ở 01 khâu * 30kg gạo* 12 tháng).	Kg	360.0	14,000	5,040,000
8	Đất tranh chấp giữa ông Vũ Đình Thân và bà Bùi Thị Khương (Đã được phê duyệt tại QĐ số 1708/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND thành phố Lai Châu)				
	Địa chỉ: Tô 10, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				45,093,000
a	Về đất				45,093,000
1	Diện tích thu hồi	m ²	1,503.1		

2	Loại đất				
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	m ²	1,503.1	30,000	45,093,000
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc:				
d	Chính sách hỗ trợ				-
1	Hỗ trợ chuyên đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3 lần giá đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác).	m ²	1,503.1	90,000	
9	Bùi Thị Khương (Đã được phê duyệt tại QĐ số 1821/QĐ-UBND ngày 21/10/2022 của UBND thành phố Lai Châu)				
	Địa chỉ: Tổ 10, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				1,129,620,447
a	Về đất				6,471,300
1	Diện tích thu hồi	m ²	68,240.0		
2	Loại đất				
	Đất nuôi trồng thủy sản	m ²	174.9	37,000	6,471,300
	Đất rừng phòng hộ (không được bồi thường) theo quy định tại điều 82, Luật đất đai năm 2013	m ²	68,065.1	3,500	
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc: Được UBND huyện Tam Đường cấp GCNQSD đất số W023637 ngày 20/11/2002. Hiện tại bà Bùi Thị Khương sử dụng ổn định không có tranh chấp đất đai với ai. GCN cấp theo Nghị định 163/1999/NĐ-CP ngày 16/11/1999 của Chính phủ có vị trí không đúng so với hiện trạng sử dụng đất. Thời điểm sử dụng đất vào mục đích đất nuôi trồng thủy sản năm 2003				
b	Về Tài sản vật kiến trúc				50,087,379
b.1	Tài sản tạo lập không đúng đích sử dụng đất, tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất, không bị lập biên bản vi phạm hành chính (hỗ trợ bằng 50% đơn giá bồi thường theo điểm c, khoản 7 điều 21 QĐ 16/QĐ-UBND ngày 04/5/2020)				
1	Lán tre lợp tôn (tính bằng nhà tạm, lán tạm) (4,8*11)	m ²	52.8	86,900	4,588,320
2	Lán tre lợp broxi măng (5,2*2,6)	m ²	13.5	86,900	1,174,888
3	Nhà khung cột sắt Φ 76 mái lợp tôn chiều cao từ xà ngang đến móng 3,1m (5,2*4,7)	m ²	24.4	91,212	2,229,221
4	Nhà, lán tạm mái lợp tôn (4,7*4,7)	m ²	22.1	86,900	1,919,621
5	Nhà, lán tạm mái lợp tôn (5,1*4,7)	m ²	24.0	86,900	2,082,993
6	Tôn bung quanh nhà (38*2,4)	m ²	91.2	28,500	2,599,200
b.2	Tài sản tạo lập đúng đích sử dụng đất, tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất, không bị lập biên bản vi phạm hành chính (hỗ trợ bằng 100% đơn giá bồi thường theo điểm c, khoản 7 điều 21 QĐ 16/QĐ-UBND ngày 04/5/2020)				
1	Hàng rào Lưới B40 (17*1,2)	m ²	20.4	100,100	2,042,040
2	Hàng rào Lưới B40 (32*1,6)	m ²	51.2	100,100	5,125,120

3	Hàng rào Lưới B40 (4*1,6)	m ²	6.4	100,100	640,640
4	Ao đào không phân biệt cấp đất (0,8*174,9 m ²)	m ³	139.9	58,300	8,157,336
5	Dây thép gai	m	500.0	5,000	2,500,000
6	Kè đá xếp khan (0,5*0,8*300)	m ³	120.0	141,900	17,028,000
c	Về Cây cối hoa màu trên đất				1,073,061,768
1	Cây bồ kết đường kính trên 20 cm (tính bằng cây hoa hòe đường kính trên 20cm)	cây	2.0	312,000	624,000
2	Cây chanh bán kính phát tán từ 1-2m	cây	56.0	204,000	11,424,000
3	Cây nhãn bán kính phát tán từ 1-2m	cây	50.0	420,000	21,000,000
4	Cây nhãn bán kính phát tán từ 2-4m	cây	100.0	624,000	62,400,000
5	Cây nhãn bán kính phát tán > 4m	cây	300.0	900,000	270,000,000
6	Cây lấy gỗ (mỡ) đường kính từ 5-10cm	cây	1,805.0	30,000	54,150,000
7	Cây lấy gỗ đường kính 10-25cm	cây	2,154.0	42,000	90,468,000
9	Cây lấy gỗ đường kính 40cm, h=6: 391 cây	m ³	294.7	480,000	141,435,648
10	Cây lấy gỗ đường kính 50cm, h=7: 145 cây	m ³	199.2	480,000	95,613,000
11	Cây lấy gỗ đường kính 60 cm, h=7: 45 cây	m ³	89.0	480,000	42,729,120
12	Cây lê bán kính phát tán từ 2-4m	cây	15.0	480,000	7,200,000
13	Cây vải bán kính phát tán từ 2-4m	cây	24.0	624,000	14,976,000
14	Cây vải bán kính phát tán >4m	cây	30.0	900,000	27,000,000
15	Hoa hồng trồng theo hàng dài (bờ ao)	m ²	50.0	84,000	4,200,000
16	Cây hồng bán kính phát tán >4m	cây	40.0	840,000	33,600,000
17	Cây hồng bán kính phát tán >từ 2-4m	cây	8.0	540,000	4,320,000
18	Cây khế bán kính phát tán từ 2-4m	cây	14.0	360,000	5,040,000
19	Cây tre đường kính từ 5-10cm	cây	1,284.0	30,000	38,520,000
20	Cây tre đường kính >10cm	cây	575.0	48,000	27,600,000
21	Cây bơ bán kính phát tán >4m	cây	3.0	840,000	2,520,000
22	Cây hoa hòe đường kính gốc >20cm	cây	6.0	312,000	1,872,000
23	Cây mận bán kính phát tán từ 2-4m	cây	48.0	480,000	23,040,000
24	Cây xoài bán kính phát tán từ 2-4m	cây	34.0	540,000	18,360,000
25	Cây mít bán kính phát tán từ 2-4m	cây	16.0	360,000	5,760,000
26	Cây mít bán kính phát tán >4m	cây	4.0	660,000	2,640,000
27	Cây đào bán kính phát tán >4m	cây	17.0	600,000	10,200,000
23	Cây đào bán kính phát tán từ 2-4m	cây	10.0	480,000	4,800,000
24	Cây bưởi bán kính phát tán từ 2-4m	cây	26.0	480,000	12,480,000
25	Cây bưởi bán kính phát tán >4m	cây	10.0	600,000	6,000,000
26	Cây ôi bán kính phát tán từ 2-4m	cây	5.0	480,000	2,400,000
27	Cây tre d<5cm	cây	1,705.0	18,000	30,690,000
10	Đặng Thị Hằng (Đã được phê duyệt tại QĐ số 1821/QĐ-UBND ngày 21/10/2022 của UBND thành phố Lai Châu)				
	Địa chỉ: Tổ 9, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				11,960,640
a	Về đất				-
1	Diện tích thu hồi	m ²	3,703.8		
2	Loại đất				
	Đất rừng phòng hộ (không được bồi thường)	m ²	3,703.8	3,500	



	Vị trí (VT1)					
	Nguồn gốc: Đất của gia đình bà Đặng Thị Hằng được bố là Đặng Quốc Trị và mẹ là					
c	Về Cây cối hoa màu trên đất				1,590,000	
1	Cây lấy gỗ đường kính từ 5-10cm	cây	25.0	30,000	750,000	
2	Cây lấy gỗ đường kính từ 10-25cm	cây	20.0	42,000	840,000	
d	Về Chính sách hỗ trợ				10,370,640	
1	Hỗ trợ khác theo khoản 4 điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 80% giá Đất rừng phòng hộ).	m ²	3,703.8	2,800	10,370,640	
11	Nguyễn Hữu An (Đã được phê duyệt tại QĐ số 2256/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 của UBND thành phố Lai Châu)					
	Địa chỉ: Tổ 16, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)					43,785,978
a	Về đất				3,177,000	
1	Diện tích thu hồi	m ²	105.9			
2	Loại đất					
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	m ²	105.9	30,000	3,177,000	
	Vị trí (VT1)					
	Nguồn gốc: Đất của ông Nguyễn Hữu An nhận chuyển nhượng 1 phần diện tích đất của bà Hoàng Thị Tuyền năm 2003, đất bà Tuyền khai phá từ năm 1994. Hiện tại ông An sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp.					
b	Về tài sản vật kiến trúc				38,981,250	
	<i>Tài sản do ông An tạo lập năm 2015 cải tạo đất, đúng mục đích sử dụng đất, tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng (hỗ trợ bằng 100% đơn giá bồi thường theo điểm c, khoản 7 điều 21 QĐ 16/QĐ-UBND ngày 04/5/2020)</i>					
1	Đào đắp đất đá bằng thủ công	m ³	472.5	82,500	38,981,250	
c	Về cây cối hoa màu				1,627,728	
1	Cây xoan d=40cm, h=6m	m ³	0.8	480,000	361,728	
2	Cây xoan d=5-10cm	cây	1.0	30,000	30,000	
3	Cây ổi trồng hạt năm thứ 3	cây	6.0	132,000	792,000	
4	Cây ổi bán kính phát tán từ 1-2m	cây	1.0	360,000	360,000	
5	Cây xoan d=10-25cm	cây	2.0	42,000	84,000	

